

Số: 04 /2022/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHÓA XVII
KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

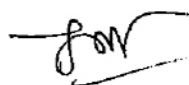
Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình, cụ thể:

1. Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.



2. Quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm:

- a) Kỳ thi tuyển sinh vào đầu cấp phổ thông.
- b) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- c) Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh các môn văn hóa.
- d) Kỳ thi chọn học sinh giỏi để thành lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông.
- đ) Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông.
- e) Kỳ thi nghề phổ thông.
- g) Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.
- h) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thực hiện.
- i) Các kỳ khảo sát chất lượng, đánh giá học sinh trong phạm vi chuyên môn, nghiệp vụ để đánh giá chất lượng giáo dục.

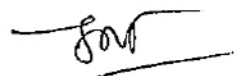
3. Các nội dung chi và mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- 1. Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.
- 2. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Thái Bình.
- 3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Nội dung chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Bình

- 1. Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.
- 2. Chi xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức thi; tổng kết Hội đồng thi; tổng kết công tác thi.
- 3. Tổ chức hội nghị hướng dẫn quy chế thi; hướng dẫn công tác tài chính thi; tập huấn nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra thi, tổng hợp báo cáo.
- 4. Trục, bảo vệ đề thi, bài thi 24 giờ/ngày trước khi bàn giao (in sao, coi thi, làm phách, chấm thi).
- 5. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, sao in đề thi, những người làm phách trong những ngày làm việc tập trung cách ly; chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; giáo viên và học sinh tham gia công tác tổ chức thi.



6. Chi mua mới hoặc nâng cấp, thuê phần mềm thi.
7. Chi công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường; thuê phương tiện vận chuyển đề, bài thi; thuê phương tiện phục vụ cho thanh tra, kiểm tra thi.
8. Chi chuẩn bị các điều kiện cho kỳ thi, cuộc thi, hội thi; chi trả chế độ làm thêm giờ phục vụ công tác thi; chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản phục vụ thi.
9. Chi lực lượng công an bảo vệ làm thi (không bao gồm nội dung chi tại khoản 1 Điều này).
10. Chi khen thưởng kỳ thi, cuộc thi, hội thi.
11. Chi thuê chuyên gia thỉnh giảng chuyên đề cho học sinh tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông.

Điều 4. Mức chi

1. Mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ thi quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

a) Đối với các kỳ thi tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 1: Mức chi quy định tại phần A Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với kỳ thi, cuộc thi tại điểm e, điểm g khoản 2 Điều 1: Mức chi tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

c) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tại điểm h khoản 2 Điều 1: Mức chi tối đa bằng 70% mức chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Đối với các kỳ khảo sát quy định tại điểm i khoản 2 Điều 1: Mức chi tối đa bằng 60% mức chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

đ) Mức chi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng mức cao nhất.

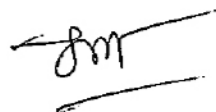
2. Mức chi cho các nội dung tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 đối với các kỳ thi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 1: Tại phần B Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi cho các nội dung tại khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3: Chi theo thực tế phát sinh và quy định của pháp luật.

Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan; khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng nguồn kinh phí và phạm vi dự toán được giao.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.



2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí xã hội hóa, nguồn kinh phí huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2022. /s/

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP. /s/

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành



PHỤ LỤC I

MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC KỲ THI TUYỂN SINH ĐẦU CẤP PHỔ THÔNG; KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN VÀ CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA; KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI ĐỂ THÀNH LẬP ĐỘI TUYỂN THAM DỰ KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

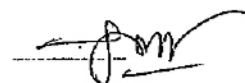
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
A	Chi tiền công cho các chức danh		
1	Hội đồng/Ban ra đề thi		
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/Ngày	400
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/Ngày	350
	Thư ký làm việc cách ly	Người/Ngày	320
	Ủy viên làm việc cách ly	Người/Ngày	300
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/Ngày	240
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/Ngày	130
2	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/Ngày	350
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/Ngày	300
	Thư ký làm việc cách ly	Người/Ngày	280
	Ủy viên làm việc cách ly	Người/Ngày	250
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/Ngày	230
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/Ngày	130
3	Ban/Tổ vận chuyển đề thi		
	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/Ngày	350
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/Ngày	300
	Ủy viên	Người/Ngày	250
	Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/Ngày	130
4	Ban Chỉ đạo thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	350
	Ủy viên	Người/Ngày	300
	Nhân viên phục vụ	Người/Ngày	130

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
5	Hội đồng thi		
	Chủ tịch	Người/Ngày	390
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	350
	Ủy viên	Người/Ngày	320
6	Ban Thư ký Hội đồng thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	350
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	300
	Ủy viên	Người/Ngày	250
7	Ban/Hội đồng coi thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	300
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	280
	Trưởng điểm/Chủ tịch	Người/Ngày	280
	Phó trưởng điểm/Phó chủ tịch	Người/Ngày	260
	Thư ký	Người/Ngày	250
	Ủy viên, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/Ngày	230
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ cách ly	Người/Ngày	230
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài, trật tự viên, y tế, kiểm soát viên quân sự	Người/Ngày	130
8	Ban/Tổ làm phách		
	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/Ngày	350
	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/Ngày	300
	Thư ký	Người/Ngày	280
	Ủy viên, kỹ thuật viên	Người/Ngày	250
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/Ngày	230
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/Ngày	130
9	Ban/Hội đồng chấm thi, Ban/Hội đồng phúc khảo, Ban/Hội đồng chấm thẩm định bài thi (không bao gồm Giám khảo, Cán bộ chấm thi)		
	Trưởng ban/Chủ tịch	Người/Ngày	350
	Phó Trưởng ban Thường trực/Phó chủ tịch Thường trực	Người/Ngày	300
	Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch/Trưởng môn chấm thi	Người/Ngày	280
	Thư ký	Người/Ngày	250
	Ủy viên, kỹ thuật viên, giám sát	Người/Ngày	230
	Công an, bảo vệ vòng trong 24/24	Người/Ngày	230

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
	Công an, bảo vệ vòng ngoài, y tế, phục vụ	Người/Ngày	130
10	Tiền công ra đề thi		
10.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì	Người/Ngày	350
	Các thành viên	Người/Ngày	330
10.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	Thi tuyển sinh đầu cấp đại trà	Đề	500
	Thi chọn học sinh giỏi, thi môn Chuyên tuyển sinh THPT Chuyên	Đề	600
10.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	Thi tuyển sinh đầu cấp đại trà	Người/Ngày	550
	Thi chọn học sinh giỏi/thi môn Chuyên tuyển sinh THPT Chuyên	Người/Ngày	600
11	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
11.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	Chủ trì	Người/Ngày	250
	Các thành viên	Người/Ngày	230
11.2	Tiền công		
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô:		
	- Tự luận	Câu	50
	- Trắc nghiệm	Câu	10
	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi:		
	- Tự luận	Câu	20
	- Trắc nghiệm	Câu	8
	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	5
	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	5
	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	3
11.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	Chủ trì	Người/Ngày	400

gan

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
	Các thành viên	Người/Ngày	380
12	Tiền công chấm bài		
12.1	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học		
	Chấm thi tốt nghiệp THPT; thi tuyển sinh đầu cấp THPT (định mức chấm 40 đến 60 bài/người/ngày)	Người/Ngày	500
	Chấm bài thi chọn học sinh giỏi, thi môn Chuyên tuyển sinh THPT Chuyên (định mức chấm 30 đến 40 bài/người/ngày)	Người/Ngày	550
	Phụ cấp trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ chấm	Người/đợt	250
12.2	Tiền công chấm thi bài thi trắc nghiệm		
	Cán bộ tổ chấm trắc nghiệm	Người/Ngày	380
12.3	Tiền công chấm phúc khảo, thẩm định bài thi		
	Chấm phúc khảo bài thi	Người/Ngày	180
	Chấm phúc khảo bài thi chọn HSG; bài thi môn Chuyên tuyển sinh THPT Chuyên	Người/Ngày	270
	Chấm thẩm định bài thi	Người/Ngày	180
13	Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (áp dụng cho thanh tra kiêm nhiệm, trường hợp thanh tra viên chỉ áp dụng cho kỳ thi tổ chức vào ngày thứ bảy, chủ nhật)		
	- Trưởng đoàn	Người/Ngày	350
	- Đoàn viên thanh tra	Người/Ngày	250
	- Thanh tra viên độc lập	Người/Ngày	280
14	Chi công tác chuẩn bị thi (sắp xếp phòng thi, xử lý hồ sơ, điều động và các công việc khác liên quan)		
	Trưởng ban	Người/Ngày	180
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	150
	Thành viên	Người/Ngày	130
15	Hội đồng xét tuyển/công nhận tốt nghiệp/ thẩm định kết quả		
	Chủ tịch	Người/Ngày	350
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	315



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
	Ủy viên	Người/Ngày	280
	Nhân viên phục vụ	Người/Ngày	130
B	Các nội dung khác		
1	Xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức thi	Người/ngày	200
2	Trực, bảo vệ đề thi, bài thi 24 giờ/ngày trước khi bàn giao (in sao, coi thi, làm phách, chấm thi); (Thành phần gồm: Thành viên Ban thư ký, Công an)	Người/Ngày	200
3	Tổng kết Hội đồng, tổng kết thi	Người/Ngày	200
4	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, sao in đề thi, những người làm phách trong những ngày làm việc tập trung cách ly	Người/Ngày	
4.1	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/Ngày	bằng 150% mức chi theo NQ số 09/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Bình
4.2	Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ trong thời gian cách ly còn lại (cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách)	Người/Ngày	bằng mức chi theo NQ số 09/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Bình
5	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi, giáo viên và học sinh tham gia công tác tổ chức thi (nếu có)	Người/Ngày	bằng 50% mức chi theo NQ số 09/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Thái Bình





PHỤ LỤC II

MỨC CHI ĐỀ TỎ CHỨC KỶ THI NGHỀ PHỔ THÔNG VÀ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT DANH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
I	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ thi kỳ thi nghề phổ thông		
1	Hội đồng/Ban ra đề, sao in đề thi		
	Chủ tịch	Người/Ngày	225
	Phó Chủ tịch thường trực	Người/Ngày	200
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	175
	Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành	Người/Ngày	275
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên, cán bộ giám sát		125
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/Ngày	65
2	Hội đồng coi thi/Ban coi thi		
	Chủ tịch	Người/Ngày	150
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	140
	Ủy viên, Thư ký, giám thị, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát, kỹ thuật viên	Người/Ngày	115
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/Ngày	65
3	Hội đồng chấm thi		
	Chủ tịch	Người/Ngày	165
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	140
	Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên, cán bộ giám sát	Người/Ngày	115
	Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Người/Ngày	250
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/Ngày	65
4	Ban chỉ đạo thi		
	Trưởng ban	Người/Ngày	200
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	175
	Ủy viên, Thư ký	Người/Ngày	160
5	Chi công tác chuẩn bị thi (nhập dữ liệu, sắp xếp phòng thi, xử lý hồ sơ, điều động nhân sự, bảo dưỡng máy móc và các công việc khác liên quan)		
	Trưởng ban	Người/Ngày	90
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	75
	Thành viên	Người/Ngày	65

Signature

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000đ)
II	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ thi đối với cuộc thi Khoa học kỹ thuật (Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tiểu ban Nội dung, Tiểu ban Cơ sở vật chất, Tiểu ban Tài chính,...) và nhân viên phục vụ		
	Trưởng ban/Trưởng Tiểu ban	Người/Ngày	280
	Phó trưởng ban/Phó Trưởng Tiểu ban	Người/Ngày	240
	Thành viên	Người/Ngày	200
	Nhân viên phục vụ	Người/Ngày	100

